

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên
Ông Vũ Hồ Việt	Thành viên
Ông Lê Quốc Tuấn	Thành viên
Ông Trương Minh Khôi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Hữu Chí	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Quân	Giám đốc
Ông Hoàng Anh Sơn	Giám đốc Kỹ thuật
Bà Dương Thị Hà Bích	Giám đốc Tài chính
Bà Nguyễn Ngọc Minh Hằng	Giám đốc Nhân sự

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hồng Quân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 06/04/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi thực hiện kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, sự tuân thủ các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Việc này chỉ thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2015, tổng số dự phòng phải thu khó đòi của Công ty chưa được trích lập dự phòng đầy đủ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính với giá trị khoảng 4,84 tỷ đồng.

Liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn khác, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của các Công ty nhận đầu tư nên chưa có cơ sở xem xét liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (nếu có) cho các khoản đầu tư này hay không.

Trong năm 2015, Công ty có tiến hành đầu tư bổ sung để tăng quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5 (từ Công ty liên kết thành Công ty con). Tuy nhiên, Chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5 tại thời điểm mua nên không đánh giá được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này tại ngày mua cũng như xác định lợi thế thương mại theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 11 – Hợp nhất kinh doanh. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh của Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5 được hợp nhất vào Báo cáo này dựa trên giả định Công ty hoạt động ổn định đều giữa các tháng trong năm và số liệu được ước tính dựa trên thời gian từ khi nắm quyền kiểm soát đến thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số
1395-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		181.705.406.186	156.045.095.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	12.387.759.106	5.474.726.862
Tiền	111		10.387.759.106	4.658.404.641
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	816.322.221
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	323.000.000	323.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		323.000.000	323.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.255.274.825	101.256.318.243
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	89.346.249.023	88.889.266.530
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.967.074.405	1.456.725.628
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	4.267.334.516	1.303.434.516
Các khoản phải thu khác	136	10	3.686.527.033	17.262.239.721
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9.011.910.152)	(7.655.348.152)
Hàng tồn kho	140	11	75.236.589.930	46.725.801.506
Hàng tồn kho	141		75.236.589.930	46.725.801.506
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.502.782.325	2.265.249.101
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	-	6.866.019
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.118.519.007	2.243.773.146
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	384.263.318	14.609.936
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		277.703.261.560	264.115.551.303
Các khoản phải thu dài hạn	210		18.552.711.736	-
Phải thu dài hạn khác	216	10	18.552.711.736	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		20.251.608.008	18.777.445.062
Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.251.608.008	18.777.445.062
- Nguyên giá	222		49.073.029.803	42.562.218.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.821.421.795)	(23.784.773.422)
Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		3.398.068.098	3.398.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.398.068.098)	(3.398.068.098)
Tài sản dở dang dài hạn	240		203.274.787.798	199.486.287.762
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	203.274.787.798	199.486.287.762
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	18.049.981.308	30.703.495.340
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.357.757.808	11.823.931.840
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		14.692.223.500	18.879.563.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.574.172.710	15.148.323.139
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	17.574.172.710	15.148.323.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		459.408.667.746	420.160.647.015

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		334.965.774.547	310.854.395.166
Nợ ngắn hạn	310		106.872.339.127	94.502.854.758
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	26.612.289.969	38.113.930.180
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19.540.344.718	10.858.017.812
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.376.025.739	4.788.896.712
Phải trả người lao động	314		5.192.427.412	2.679.698.620
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		100.157.486	35.705.232
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.137.538.528	5.148.957.450
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	44.864.932.049	31.091.139.320
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.048.623.226	1.786.509.432
Nợ dài hạn	330		228.093.435.420	216.351.540.408
Phải trả dài hạn khác	337	15	226.523.375.973	215.481.480.961
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	570.000.000	370.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.059.447	500.059.447
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.442.893.199	109.306.251.849
Vốn chủ sở hữu	410	19	124.442.893.199	109.306.251.849
Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000	38.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.793.442.327	10.793.442.327
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.243.807.081	26.286.494.655
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.286.494.655	26.286.494.655
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.957.312.426	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	20	42.405.643.791	34.226.314.867
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		459.408.667.746	420.160.647.015

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng



Dương Thị Hà Bích

Giám đốc



Nguyễn Hồng Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	270.240.504.176	198.916.026.937
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	25.818.181
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		270.240.504.176	198.890.208.756
Giá vốn hàng bán	11	22	229.609.466.696	172.323.948.512
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.631.037.480	26.566.260.244
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.349.826.632	1.357.844.664
Chi phí tài chính	22	24	3.394.341.345	3.165.298.458
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.319.163.895	3.150.862.579
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		25.025.456	(343.326.497)
Chi phí bán hàng	25		2.271.246.310	1.088.824.173
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		14.350.240.340	7.132.191.629
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.990.061.573	15.851.137.654
Thu nhập khác	31		1.790.542.182	1.829.048.947
Chi phí khác	32		360.587.629	1.636.783.372
Lợi nhuận khác	40		1.429.954.553	192.265.575
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.420.016.126	16.730.056.223
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.311.715.116	1.187.372.779
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.108.301.010	15.199.356.947
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		13.566.497.806	9.816.933.668
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25	9.541.803.204	5.382.423.279
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.425	2.435

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích

Giám đốc



Nguyễn Hồng Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		24.420.016.126	16.730.056.223
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.672.717.790	2.838.096.827
Các khoản dự phòng	03		1.356.562.000	(1.227.733.050)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(26.449.168)	(28.489.488)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(1.868.643.327)	(967.708.672)
Chi phí lãi vay	06		3.319.163.895	3.150.862.579
Các khoản điều chỉnh khác	07		609.326.620	
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		30.482.693.936	20.495.084.419
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(6.835.003.147)	(18.649.271.418)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(28.510.788.424)	1.583.509.531
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(1.097.293.645)	12.417.804.575
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.418.983.552)	(10.107.716.012)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.383.616.149)	(3.153.071.511)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.077.808.401)	(1.498.258.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		19.751.976.386	14.758.260.790
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.304.766.688)	(12.056.287.812)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3.393.589.684)	3.790.054.022
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.888.873.565)	(3.137.766.849)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	1.816.435.200
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.163.900.000)	(2.850.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	2.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.602.660.000)	(4.410.050.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.770.000.000	2.924.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.843.617.871	1.395.725.071
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		4.958.184.306	(1.461.656.578)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		53.125.983.603	39.938.171.926
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.242.190.874)	(35.977.611.525)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.180.000.000)	(4.199.703.840)
Cổ tức đã trả cho các cổ đông thiểu số			(1.537.283.876)	(2.077.053.404)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		6.166.508.853	(2.316.196.843)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.731.103.475	12.200.601
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.658.404.641	5.456.711.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.749.010)	5.814.969
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7	12.387.759.106	5.474.726.862

(*): Số liệu so sánh (năm 2014) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp thay cho phương pháp trực tiếp theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích



Nguyễn Hồng Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xi nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo Quyết định số 601/QĐ-BXD ngày 25/05/1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100947309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/10/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25/06/2015.

Trụ sở chính: Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp: Khu công nghiệp Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và nhà xưởng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; Sản xuất bê tông các loại;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuẩn bị dự án, lập dự án, tư vấn thực hiện dự án;
- Tư vấn điều hành quản lý dự án;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Thiết kế kiến trúc, nội ngoại thất công trình; thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thiết kế hệ thống điều khiển công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống điện, lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ cơ khí công trình công nghiệp; Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát thi công xây dựng các loại công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông. Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật./.

2. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT

Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2015 (%)	Trụ sở
1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	30.000	54%	Lô đất 22 + 23 KCN Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	3.000	51%	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	3.000	70,84%	Lô 22, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
4 Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	5.291,5	50,78%	Số 348 Hai Bà Trưng, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 01 công ty liên kết là Công ty CP 3B với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 28%.

4. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

5.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1
- 2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa
- 3 Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2
- 4 Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của các đơn vị đã được kiểm toán. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trên vốn chủ sở hữu. Giá trị khoản mục đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Từ ngày 01/01/2015, Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và Thông tư 244/2009/TT-BTC. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

6.1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

6.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

6.4. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6.5. TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
- Thiết bị quản lý	02 - 08

6.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế; và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

6.8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

6.9. GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.10. CHI PHÍ ĐI VAY

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6.11. NGOẠI TỆ

Trong năm 2015, việc xử lý chênh lệch tỷ giá đối với các khoản mục tiền tệ được Công ty áp dụng như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính, thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.
- Cuối năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ ra “đồng Việt Nam” theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.
- Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

6.12. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn xây dựng và Thiết bị Công nghiệp có các bộ phận quản lý theo đơn vị kinh doanh.

6.13. BÊN LIÊN QUAN

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6.14. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 22%. Riêng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được chứng nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 09/DNKHCN ngày 28/08/2012 do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp khoa học công nghệ, không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.101.675.491	830.899.793
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.286.083.615	3.827.504.848
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	816.322.221
	12.387.759.106	5.474.726.862

(*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	89.346.249.023	88.889.266.530
- Trung tâm chuyên giao công nghệ (CETEC)	4.843.608.475	4.423.862.500
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	4.867.755.000
- Công ty CP Viện máy và dụng cụ công nghiệp	9.810.409.815	17.336.885.165
- Các khách hàng khác	69.874.475.733	62.260.763.865
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	6.866.019
- Công cụ dụng cụ xuất dùng		6.866.019
Chi phí trả trước dài hạn	17.574.172.710	15.148.323.139
- Chi phí thuê Văn Phòng dài hạn	9.731.737.091	9.952.909.091
- Trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng	3.634.330.620	3.766.570.620
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	448.822.030	570.950.333
- Sửa chữa văn phòng	963.021.830	672.578.182
- Nghiên cứu đổi mới khoa học công nghệ	1.645.000.000	
- Các khoản khác	2.796.261.139	185.314.913
	17.574.172.710	15.155.189.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.686.527.033	-	17.262.239.721	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	116.083.011	-	101.330.000	-
- Phải thu người lao động	344.382.860	-	249.808.700	-
- Ký cược, ký quỹ	104.907.500	-	167.944.370	-
- Công ty CP Kinh doanh VT & XD - khoản hỗ trợ dự án	-	-	16.145.836.712	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	2.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Ngô Quyền	625.661.000	-	-	-
- Phải thu khác	495.492.662	-	597.319.939	-
Cho vay ngắn hạn	4.267.334.516		1.303.434.516	
Công ty CP Kinh doanh vật tư và XD	2.000.000.000			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà (CIE-CMC-SĐVĐ)	2.167.334.516		1.303.434.516	
Đối tượng khác	100.000.000			
Dài hạn	18.552.711.736	-	-	-
- Công ty CP Kinh doanh VT & XD - khoản hỗ trợ dự án	16.145.836.712	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	2.406.875.024	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.762.699.863		5.392.187.526	
Công cụ, dụng cụ	176.699.864		43.220.780	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.248.253.668		41.238.629.375	
Thành phẩm	1.012.572.900		-	
Hàng hoá	36.363.635		51.763.825	
	75.236.589.930	-	46.725.801.506	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2015	27.959.544.732	7.690.681.143	6.508.286.720	403.705.889	42.562.218.484
- Mua trong năm	-	708.010.000	2.373.040.000	135.500.000	3.216.550.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	51.500.000				51.500.000
- Tăng do hợp nhất (*)	511.144.000	2.343.180.955	388.436.364		3.242.761.319
31/12/2015	28.522.188.732	10.741.872.098	9.269.763.084	539.205.889	49.073.029.803
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2015	15.658.858.107	4.760.343.275	3.254.113.386	111.458.654	23.784.773.422
- Khấu hao trong năm	1.058.882.527	743.890.245	757.263.216	112.681.802	2.672.717.790
- Tăng do hợp nhất (*)	180.166.947	1.918.332.103	265.431.533		2.363.930.583
31/12/2015	16.897.907.581	7.422.565.623	4.276.808.135	224.140.456	28.821.421.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2015	12.300.686.625	2.930.337.868	3.254.173.334	292.247.235	18.777.445.062
31/12/2015	11.624.281.151	3.319.306.475	4.992.954.949	315.065.433	20.251.608.008

(*): Khoản tăng do hợp nhất Công ty Cổ phần máy và thiết bị Công nghiệp 1-5 trong năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
Ngắn hạn	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Hợp nhất VND	Số lượng CP CP	Giá gốc VND	Hợp nhất VND	Số lượng CP CP
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	3.500.000.000	3.357.757.808		13.547.468.000	11.823.931.840	
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SĐVĐ				10.920.000.000	10.896.738.521	1.092.000
+ Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5				2.627.468.000	927.193.319	253.700
+ Công ty CP 3B	3.500.000.000	3.357.757.808	350.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng CP CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng CP CP
Đầu tư vào đơn vị khác	14.692.223.500	14.692.223.500		18.879.563.500	18.879.563.500	
+ Công ty CP Công nghiệp Môi trường	375.000.000	375.000.000	37.500	375.000.000	375.000.000	37.500
+ Công ty CP Đầu tư-Tư vấn Xây dựng IMI	12.500.000	12.500.000	1.250	12.500.000	12.500.000	1.250
+ Công ty CP 3B		-		1.000.000.000	1.000.000.000	100.000
+ Công ty TNHH Tư vấn và Phát triển phần mềm	40.000.000	40.000.000		40.000.000	40.000.000	
+ Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội		-		8.160.000.000	8.160.000.000	800.000
+ Công ty Cổ phần Viện máy và dụng cụ CN	5.652.373.500	5.652.373.500	267.885	5.652.373.500	5.652.373.500	267.885
+ Công ty Cổ phần Công nghệ cao Hitechco	3.340.710.000	3.340.710.000	184.071	3.238.050.000	3.238.050.000	173.805
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà CIE-CMC-SĐVĐ	4.870.000.000	4.870.000.000	487.000	-	-	
+ Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	352.500.000	352.500.000	22.500	352.500.000	352.500.000	22.500
+ Công ty CP Đầu tư và PT CCV	49.140.000	49.140.000	4.914	49.140.000	49.140.000	4.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Bản quyền bằng sáng chế VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
01/01/2015	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
31/12/2015	<u>700.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.398.068.098</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2015	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
31/12/2015	<u>700.000.000</u>	<u>2.698.068.098</u>	<u>3.398.068.098</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
01/01/2015	-	-	-
31/12/2015	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm	<u>298.258.784</u>	-
Cầu trục 3,2 tấn	166.769.515	
Cầu trục 10 tấn	131.489.269	
Xây dựng cơ bản	<u>202.976.529.014</u>	<u>199.486.287.762</u>
Dự án nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân (*)	201.679.024.393	199.427.196.853
Các công trình khác	1.297.504.621	59.090.909
	<u>203.274.787.798</u>	<u>199.486.287.762</u>

(*): Đây là dự án được triển khai theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐHTKD ngày 28/05/2015 giữa Công ty CP Sông Đà Việt Đức (SĐVD), Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị công nghiệp (CIE) để đầu tư dự án nhà ở tại ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội với Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.497.806.306 đồng. Tỷ lệ góp vốn của các bên là: SĐVD góp 51,4%, CMC góp 24,3% và CIE góp 24,3% trong tổng số vốn góp dự kiến là 299.561.333.061 đồng. Các bên sẽ cùng tham gia quá trình triển khai dự án với tư cách là đồng Chủ Đầu tư và ủy quyền cho SĐVD là đại diện Chủ đầu tư. Các bên thống nhất ủy quyền cho Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà CIE-CMC-SĐVD (CCV Housing) làm Ban điều phối Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	6.137.538.528	5.148.957.450
- Kinh phí công đoàn	10.500.000	
- Bảo hiểm xã hội, y tế	162.292.846	181.088.058
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.394.000	11.495.520
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.900.000.000	3.420.430.990
- Công ty TNHH Kim Đình, Kim Tường (CIE1)	2.200.000.000	1.200.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.859.351.682	335.942.882
Dài hạn	226.523.375.973	215.481.480.961
Dự án Nhà chung cư Nhân chính - Thanh Xuân	226.380.116.401	215.481.480.961
- Công ty CP Đầu tư và PT nhà CIE-CMC-SĐVĐ	182.314.652.528	178.424.228.068
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư & Xây dựng	6.719.003.823	6.719.003.823
- Công ty Vinaconex E&C		3.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư XD và Kỹ thuật Vinaconex - E&C		7.292.412.358
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	27.300.623.338	10.000.000.000
- Các cá nhân khác	10.045.836.712	10.045.836.712
Phải trả cổ phần hóa tại Công ty CP 1-5	143.259.572	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	26.612.289.969	26.612.289.969	38.113.930.180	38.113.930.180
- Công ty CP 3B	4.412.583.340	4.412.583.340	-	-
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	2.140.300.800	2.140.300.800	2.792.700.900	2.792.700.900
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	1.254.511.995	1.254.511.995	5.910.664.485	5.910.664.485
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	1.877.032.085	1.877.032.085	1.194.727.898	1.194.727.898
- Công ty TNHH Kim khí & Dịch vụ Vận tải	1.490.122.811	1.490.122.811	1.906.741.155	1.906.741.155
- Các đối tượng khác	18.804.893.834	18.804.893.834	29.410.564.795	29.410.564.795
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	26.612.289.969	26.612.289.969	38.113.930.180	38.113.930.180
Phải trả người bán là các bên liên quan	4.412.583.340	4.412.583.340		
- Công ty CP 3B	4.412.583.340	4.412.583.340		

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/khấu trừ trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	4.788.896.712	18.508.194.965	20.921.065.938	2.376.025.739
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	253.295.143	15.607.262.589	14.897.392.212	963.165.520
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	893.913.888	1.770.793.686	2.077.808.401	586.899.173
- Thuế thu nhập cá nhân	363.048.351	629.748.026	473.153.733	519.642.644
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.278.639.330	45.840.514	3.324.479.844	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		319.804.402	13.500.000	306.304.402
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		134.745.748	134.731.748	14.000
Phải thu	14.609.936	13.905.916	383.559.298	384.263.318
- Thuế thu nhập cá nhân	10.920.042	10.216.022	461.528	1.165.548
- Thuế đất, thuế nhà đất			383.097.770	383.097.770
- Thuế khác nộp thừa	3.689.894	3.689.894		-

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn	44.864.932.049	44.864.932.049	55.015.983.603	41.242.190.874	31.091.139.320	31.091.139.320
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Đống Đa	30.431.873.182	30.431.873.182	38.251.184.019	29.252.825.384	21.433.514.547	21.433.514.547
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	-	-		709.251.516	709.251.516	709.251.516
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	4.089.058.867	4.089.058.867	10.674.799.584	8.725.113.974	2.139.373.257	2.139.373.257
- Vay các cá nhân	10.344.000.000	10.344.000.000	6.090.000.000	2.555.000.000	6.809.000.000	6.809.000.000
Vay dài hạn	570.000.000	370.000.000	200.000.000	-	370.000.000	370.000.000
- Vay các cá nhân	570.000.000	370.000.000	200.000.000	-	370.000.000	370.000.000
	45.434.932.049	45.234.932.049	55.215.983.603	41.242.190.874	31.461.139.320	31.461.139.320

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG VÀ TB CÔNG NGHIỆP

Đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2015	38.000.000.000	10.793.442.327	34.226.314.867	26.286.494.655	109.306.251.849
- Lãi trong năm nay				13.566.497.806	13.566.497.806
- Tạm chia cổ tức (*)				(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng (*)				(550.876.300)	(550.876.300)
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			8.179.328.924		8.179.328.924
- Giảm do hợp nhất				(2.258.309.080)	(2.258.309.080)
31/12/2015	38.000.000.000	10.793.442.327	42.405.643.791	33.243.807.081	124.442.893.199

(*) : Tạm phân phối lợi nhuận chưa có phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2. CỔ PHIẾU

	31/12/2015	01/01/2015
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

19.3. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị CN CIE1	37.466.548.774	31.952.221.192
Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị CN CIE2	1.631.826.779	130.677.472
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	1.843.354.264	2.143.416.203
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	1.463.913.974	
	42.405.643.791	34.226.314.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu	270.240.504.176	198.916.026.937
+ Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	251.492.620.996	189.711.921.551
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.747.883.180	9.204.105.386

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	212.880.113.741	164.396.073.641
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.729.352.955	7.927.874.871
	229.609.466.696	172.323.948.512

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	113.617.871	163.893.669
Lãi bán các khoản đầu tư	560.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.170.000.000	1.147.141.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	190.571.694	18.320.007
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	26.449.168	28.489.488
Doanh thu hoạt động tài chính khác	289.187.899	
	2.349.826.632	1.357.844.664

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	3.319.163.895	3.150.862.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.619.446	12.160.879
Chi phí tài chính khác	45.558.004	2.275.000
	3.394.341.345	3.165.298.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị CN CIE1	8.121.658.662	4.950.123.427
Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị CN CIE2	821.460.156	141.046.517
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa	298.771.095	291.253.335
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5	299.913.291	
	9.541.803.204	5.382.423.279

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.566.497.806	9.816.933.668
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(550.876.300)	(565.000.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(550.876.300)	(565.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.015.621.506	9.251.933.668
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.800.000	3.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.425	2.435

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại sau khi bổ sung số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

27. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	7.928,60	1.968,16
- EUR	490,58	631,65

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chỉ tiêu	Công ty CP Tập đoàn XD và TB Công nghiệp VND	Công ty CP Tập đoàn XD và TB Công nghiệp CIE 1 VND	Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	Công ty CP Thương mại Kim Hoa VND	Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp 1-5 VND	Bù trừ/ hợp nhất VND	Tổng cộng VND
Năm 2015							
1 Tổng doanh thu	51.231.310.781	211.880.444.840	51.912.086.049	50.846.289.349	9.006.657.241	-	374.876.788.260
Doanh thu giữa các bộ phận	2.223.043.220	44.929.983.469	29.352.653.800	19.953.344.000	8.177.259.595	(104.636.284.084)	-
2 Tổng doanh thu bán hàng ra bên ngoài	49.008.267.561	166.950.461.371	22.559.432.249	30.892.945.349	829.397.646		270.240.504.176
3 Giá vốn bán hàng	47.760.625.006	183.136.974.258	47.089.674.905	48.687.166.966	7.571.309.645	(104.636.284.084)	229.609.466.696
4 Lợi nhuận gộp	3.470.685.775	28.743.470.582	4.822.411.144	2.159.122.383	1.435.347.596		40.631.037.480
Khấu hao trong năm	375.315.156	1.785.088.795	318.442.330		193.871.509	-	2.672.717.790
Phân bổ trong năm	183.878.443	604.577.106	122.857.057	17.365.058	32.288.584	-	960.966.248
5 Khấu hao và phân bổ	559.193.599	2.389.665.901	441.299.387	17.365.058	226.160.093	-	3.633.684.038
6 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.370.680.353	16.242.293.216	3.606.575.460	805.150.156	296.496.120	(1.331.133.732)	22.990.061.573
Tại ngày 31/12/2015							
Tài sản bộ phận	317.164.997.824	172.548.164.655	16.206.962.013	12.301.854.676	11.462.806.406	(70.276.117.828)	459.408.667.746
Tài sản không phân bổ						-	-
7 Tổng tài sản	317.164.997.824	172.548.164.655	16.206.962.013	12.301.854.676	11.462.806.406	(70.276.117.828)	459.408.667.746
Nợ phải trả bộ phận	262.853.673.572	91.099.145.582	10.610.848.232	8.539.907.198	8.488.607.599	(38.137.800.037)	334.965.774.547
Nợ phải trả không phân bổ						-	-
8 Tổng nợ phải trả	262.853.673.572	91.099.145.582	10.610.848.232	8.539.907.198	8.488.607.599	(38.137.800.037)	334.965.774.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. THÔNG TIN BÊN LIÊN QUAN

GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Mua hàng từ bên liên quan		4.428.275.182	-
- Công ty Cổ phần 3B	Cty liên kết	4.428.275.182	

SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả người bán		4.412.583.340	-
Công ty CP 3B	Cty liên kết	4.412.583.340	

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 6.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2015 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.387.759.106	5.474.726.862
Đầu tư ngắn hạn	4.590.334.516	1.626.434.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.083.358.068	98.246.349.399
Đầu tư dài hạn khác	14.692.223.500	18.879.563.500
Tổng cộng	117.753.675.190	124.227.074.277
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	45.434.932.049	31.461.139.320
Phải trả người bán và phải trả khác	32.571.641.651	43.070.304.052
Chi phí phải trả	100.157.486	35.705.232
Tổng cộng	78.106.731.186	74.567.148.604

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính (Thông tư 200) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro Thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) và đồng EUR do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá. Tuy nhiên các giao dịch này phát sinh ít và Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức độ chịu rủi ro tỷ giá của Công ty đối với USD và EUR là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất cố định. Để giảm thiểu rủi ro về lãi suất, thông qua phân tích và dự báo, Công ty đã lựa chọn các thời điểm và kỳ hạn thích hợp trong năm để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc duy trì các khoản vay theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	44.864.932.049	570.000.000	45.434.932.049
Phải trả người bán và phải trả khác	32.571.641.651	-	32.571.641.651
Chi phí phải trả	100.157.486		100.157.486
	77.536.731.186	570.000.000	78.106.731.186
01/01/2015			
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	31.091.139.320	370.000.000	31.461.139.320
Phải trả người bán và phải trả khác	43.070.304.052	-	43.070.304.052
Chi phí phải trả	35.705.232	-	35.705.232
	74.197.148.604	370.000.000	74.567.148.604

Ban Giám đốc đánh mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.387.759.106	-	12.387.759.106
Đầu tư ngắn hạn	4.590.334.516	-	4.590.334.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	83.676.483.044	2.406.875.024	86.083.358.068
Đầu tư dài hạn	-	14.692.223.500	14.692.223.500
	100.654.576.666	17.099.098.524	117.753.675.190
01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.474.726.862	-	5.474.726.862
Đầu tư ngắn hạn	1.626.434.516	-	1.626.434.516
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.246.349.399	-	98.246.349.399
Đầu tư dài hạn	-	18.879.563.500	18.879.563.500
	105.347.510.777	18.879.563.500	124.227.074.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán của Công ty. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Khoản mục	Số liệu tại 31/12/2014 VND	Trình bày lại 01/01/2015 VND	Chênh lệch VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.626.434.516	323.000.000	(1.303.434.516)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.303.434.516	1.303.434.516
Phải thu ngắn hạn khác	16.844.486.651	17.262.239.721	417.753.070
Tài sản ngắn hạn khác	417.753.070	-	(417.753.070)
Thặng dư vốn cổ phần	1.798.426.800	-	(1.798.426.800)
Cổ phiếu quỹ	(181.289.340)	-	181.289.340
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	420.917.856	-	(420.917.856)
Quỹ đầu tư phát triển	11.879.742.327	10.793.442.327	(1.086.300.000)
Quỹ dự phòng tài chính	10.167.810.000	-	(10.167.810.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.994.329.339	26.286.494.655	13.292.165.316

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu

Bùi Thị Oanh

Kế toán trưởng

Dương Thị Hà Bích



Nguyễn Hồng Quân